

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2018

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thập

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05-3-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 10-01-2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12-02-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1973;

Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Phạm Thế T, sinh năm 1953;

Cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn N vào ngày 23-01-1999 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu say xỉn, mỗi lần say rượu lại chửi bới, đánh đập chị. Gia đình chị cũng như anh em của anh N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Năm 2013, do không chịu được cuộc sống chung với anh N nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó làm đơn xin ly hôn anh N. Được sự động viên hòa giải của Tòa án cũng như gia đình, chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, tạo cơ hội cho anh N sửa chữa lỗi lầm. Nhưng sau khi rút đơn, tình cảm vợ chồng chị vẫn không cải thiện. Chị vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không gặp gỡ hay liên lạc với nhau. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1999 và Phạm Thị X, sinh ngày 26-9-2004. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu X đang ở với chị. Chị xin nuôi cháu X và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn Phạm Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị V đã làm đơn xin ly hôn anh nhưng khi đó anh không đến Tòa án làm việc nên chị V rút đơn ly hôn. Từ thời gian đó, chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không gặp gỡ hay liên lạc với nhau. Anh xác định mâu thuẫn là do chị V tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở còn bản thân anh không có lỗi gì với chị. Anh xác định tình cảm vợ chồng hàn gắn được hay không là do chị V. Nay chị V xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con. Nếu chị V kiên quyết ly hôn thì đợi ba năm nữa khi anh đi làm ăn về sẽ giải quyết ly hôn sau.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị V trình bày. Hiện cháu T đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu X

đang ở với chị V. Anh xin được nuôi cháu X, yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, đại diện địa phương cung cấp: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Văn N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị V và anh N xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh N thường xuyên say rượu nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau, thậm chí dẫn đến xô xát. Chị V đã một lần làm đơn xin ly hôn anh N, sau đó lại rút đơn nhưng vợ chồng không về đoàn tụ cùng nhau. Chị V sống ở nhà bố mẹ đẻ từ năm 2013. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo đơn của chị V để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Thế T là bố đẻ chị Phạm Thị V cung cấp: Quá trình chung sống, chị V và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh N hay uống rượu, say xỉn, không chăm lo cho gia đình, chửi bới, đánh đập chị V. Do không chịu đựng được cuộc sống chung với anh N nên chị V đã bỏ về nhà ông ở từ năm 2013, sau đó đã làm đơn xin ly hôn anh N. Được sự đồng viên, hòa giải của Tòa án và hai bên gia đình, chị V đã rút đơn nhưng mâu thuẫn của hai anh chị vẫn không thể cải thiện được. Chị V ở nhà ông được khoảng một năm thì đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Năm 2017, chị V về nước hẳn và tiếp tục về nhà ông ở. Khi chị V đi nước ngoài, gia đình ông phải nuôi các con của hai anh chị, còn anh N không có trách nhiệm gì với con. Nay chị V xin ly hôn anh N, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị V.

Bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh Phạm Văn N cung cấp: Quá trình chung sống, chị V và anh N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N có uống rượu nên vợ chồng đã cãi nhau, có lần còn xảy ra xô xát. Anh em trong gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh N, khoảng một tháng nay, anh N không còn uống rượu nữa mà đã chịu khó làm ăn hơn trước. Năm 2013, hai anh chị xảy ra cãi nhau nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh N từ đó đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án hòa giải để hai anh chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Tại phiên toà: Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N, chị xin nuôi cháu X, không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị V ly hôn anh N. Về nuôi con chung: Chị V và anh N có hai con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1999 và Phạm Thị X, sinh ngày 26-9-2004. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị V và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết. Giao con chung Phạm Thị X, sinh ngày 26-9-2004 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn N được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên toà mà vẫn vắng mặt, người làm chứng ông Phạm Thế T vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N, ông T.

[2] Về hôn nhân: Chị V và anh N kết hôn năm 1999 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị V trình bày do anh N thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, mỗi khi uống rượu say anh N lại chửi bới, đánh đập chị; còn anh N thì cho rằng nguyên nhân do chị V tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, bỏ anh và con, không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2013, chị V đã làm đơn ly hôn anh N, được hòa giải nên chị lại rút đơn về, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó đến nay, anh chị vẫn sống ly thân, anh N không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa

giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị V vẫn kiên quyết xin ly hôn. Khi Tòa án triệu tập anh N đến tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh đều vắng mặt thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không có thiện chí, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, **không có cuộc sống chung**, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị V ly hôn anh N.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1999 và Phạm Thị X, sinh ngày 26-9-2004. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị V và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết, anh chị đều có nguyện vọng xin nuôi cháu X. Để giao con cho ai nuôi dưỡng Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá giải quyết vụ án, cháu X có nguyện vọng ở với chị V vì anh N thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến cháu. Mặt khác, chị V là lao động tự do tại địa phương, có thu nhập, cũng có nguyện vọng được nuôi cháu X. Vì vậy để đảm bảo quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, học tập và ổn định trong cuộc sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu X cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu X thành niên (đủ 18 tuổi). Chị V tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị V ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về nuôi con chung: Chị V và anh N có hai con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1999 và Phạm Thị X, sinh ngày 26-9-2004.

Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị V và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giao con chung Phạm Thị X, sinh ngày 26-9-2004 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003691 ngày 08-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh